

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG THPT THANH LỘC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **75** /QĐ-THPT.TL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **31** tháng 01 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT THANH LỘC**

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Xét đề nghị của Bộ phận kế toán.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Thanh Lộc (theo biểu 2 ban hành theo thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận Tài vụ và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Công khai trên trang web của trường
- Lưu: VT, KT.



**Lương Văn Định**

**TRƯỜNG THPT THANH LỘC**  
Chương: 422-Loại 490-Khoản 074

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 75 /QĐ-THPT.TL ngày 31 / 01 /2026 )

ĐV tính: đồng

| STT          | Nội dung                                                         | Dự toán được giao     |
|--------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1            | 2                                                                | 3                     |
| <b>A</b>     | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>               |                       |
| <b>I</b>     | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                        | -                     |
| <b>II</b>    | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                          | -                     |
| <b>1</b>     | <b>Chi sự nghiệp</b>                                             |                       |
| a            | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                   |                       |
| b            | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                             |                       |
| <b>2</b>     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                    |                       |
| a            | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                 |                       |
| b            | Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ                           |                       |
| <b>III</b>   | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN (2%)</b>                              | -                     |
| <b>B</b>     | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                            | <b>37,392,241,000</b> |
| <b>I</b>     | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                | <b>37,392,241,000</b> |
| <b>1</b>     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                    |                       |
| <b>2</b>     | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                       |                       |
| <b>3</b>     | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>               |                       |
| <b>3.1</b>   | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                            | -                     |
| a            | Kinh phí ngân sách thành phố đảm bảo                             |                       |
|              | Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện cải cách tiền                  |                       |
| b            | Chi từ nguồn CCTL                                                |                       |
| <b>3.2</b>   | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                      | <b>37,392,241,000</b> |
| <b>3.2.1</b> | <b>Kinh phí ngân sách thành phố đảm bảo</b>                      | <b>16,812,241,000</b> |
| a            | Chi lương và các khoản chi phí hoạt động                         | 11,349,661,000        |
| b            | Phụ cấp thâm niên nhà giáo                                       | 1,896,000,000         |
| c            | Hỗ trợ chi phí học tập                                           | 51,300,000            |
| d            | Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật                | 1,104,000,000         |
| e            | Kinh phí cấp bù miễn học phí Năm 2026                            | 2,411,280,000         |
| <b>3.2.2</b> | <b>Chi từ nguồn CCTL ( nguồn 14)</b>                             | <b>19,626,000,000</b> |
| a            | Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 2.340.000 đồng | 5,703,000,000         |
| b            | Nguồn CCTL ngân sách thành phố đảm bảo NQ27/2025/NQ-HĐND         | 13,923,000,000        |
| <b>3.2.3</b> | <b>Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/NĐ-CP</b>                  | <b>954,000,000</b>    |

Ngày 31 tháng 01 Năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**THANH LỘC**  
Lương Văn Định